

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 168/2024/HC-PT

Ngày 20/5/2024.

V/v khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên

Các Thẩm phán:

ông Lê Văn Thường

ông Phạm Ngọc Thái

- **Thư ký phiên tòa:** ông Lương Quang Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** ông Phạm Tấn Anh, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 06/2024/TLPT-HC ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 131/2023/HC-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 847/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1964 và bà Trần Thị N - sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: tổ H, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: ông Nguyễn Thành T1 - sinh năm 1997; địa chỉ: thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (văn bản uỷ quyền ngày 28/11/2022 và ngày 03/3/2023). Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: ông Lê Văn Đ -
Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T.

Địa chỉ: số B đường T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: bà Phan Thị N1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Cao Ngọc S - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị T2 - sinh năm 1988.

3.2. Ông Nguyễn Văn N2 - sinh năm 1990.

3.3. Ông Nguyễn Thành T1 - sinh năm 1997.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Văn N2: ông Nguyễn Thành T1 - sinh năm 1997 (văn bản ủy quyền ngày 03/3/2023).

Cùng địa chỉ: thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của khởi kiện ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N trình bày:*

Từ trước năm 1975 đến nay, gia đình ông Nguyễn Văn T sinh sống trên diện tích đất 1.218,2m² tại tổ H, thôn T, xã B, huyện T. Đến năm 1997, Ủy ban nhân dân huyện T tiến hành đo đạc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu tại thửa số 81, tờ bản đồ số 04, diện tích 428m² (đất ở + đất vườn), thời hạn sử dụng lâu dài, cấp ngày 12/12/1997 cho gia đình ông T. Trong thời gian đo đất ông T đi biển không có ở nhà, nên cán bộ đi đo đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên có sai sót, đo chưa đúng với thực tế diện tích đất gia đình ông sử dụng. Qua kết quả đo đạc thực tế thì diện tích đất hiện nay gia đình ông đang sử dụng tại thửa số 92, tờ bản đồ số 25 (số thửa mới theo dữ liệu vùng Đ) là 1.218,2m². Việc UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 428m² cho gia đình ông là có sai sót trong quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 20/11/2017, ông T nộp đơn đề nghị đo đạc lại diện tích thực tế tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04. Đến ngày 30/05/2018, ông T nhận được Phiếu xác nhận kết quả đo đạc của chi nhánh Văn phòng Đ1: thửa đất số 92, tờ bản đồ số 25 (số thửa mới theo dữ liệu vùng Đông), diện tích 1.218,2m² (đất ở tại nông thôn + đất trồng cây lâu năm). Ngày 04/06/2018, ông T nộp hồ sơ cho UBND xã B (Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất + Sổ hộ khẩu + Chứng minh nhân dân) để lập thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng sử dụng.

Ngày 18/09/2018, UBND xã B tiến hành lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của gia đình ông T.

Ngày 27/12/2018, UBND xã B trả lời bằng Văn bản số 112/UBND-ĐC cho gia đình ông T như sau: thửa đất số 92, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.218,2m² được đo gộp thửa đất số 81 và một phần thửa 80 trong khi đó thửa đất số 80 và 81 được hình thành trong hồ sơ địa chính 02 thửa đất riêng biệt, loại đất khác nhau, để ổn định tình hình đất đai tại địa phương và đảm bảo đúng theo tinh thần xây dựng dữ liệu đất đai, UBND xã B không làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Văn T như trích đo tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.218,2m².

Ngày 18/02/2019, ông T nộp đơn khiếu nại đến UBND huyện T về việc xem xét giải quyết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với diện tích thực tế 1.218,2m² cho gia đình ông T nhưng UBND huyện T chưa giải quyết khiếu nại.

Ngày 27/9/2021, ông T tiếp tục nộp đơn khiếu nại lần 2 đến UBND huyện T về việc xem xét giải quyết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với diện tích thực tế 1.218,2m² cho gia đình ông T nhưng UBND huyện T không giải quyết khiếu nại và không nói rõ lý do vì sao không giải quyết.

Xét thấy, việc UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, diện tích 428m² cho gia đình ông T thiếu diện tích đất (diện tích thực tế sử dụng 1.218,2m²) là sai sót trong quá trình cấp Giấy chứng nhận. Ông T đã làm đơn yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông T đúng diện tích thực tế nhưng UBND huyện T không giải quyết nên ông T và bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 644683 ngày 12/12/1997 do Ủy ban nhân huyện T cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, diện tích 428m² tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.218,2m² tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

** Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:*

Ngày 10/11/1997, ông Nguyễn Văn T (là chủ hộ) lập Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, với diện tích 428m².

Theo hồ sơ địa chính (bản đồ giải thửa và sổ mục kê) được lập theo Nghị định 64/CP của Chính phủ và được Sở địa chính Quảng Nam duyệt ngày 30/11/1997 đối với thửa đất 81, tờ bản đồ số 04, có diện tích là 428m².

Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T đúng với diện tích đăng ký và hồ sơ được duyệt. Do đó, người khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 644683 ngày 12/12/1997 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, diện tích 428m² tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam là không có cơ sở.

Đồng thời, đến nay UBND huyện T chưa nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.218,2m², tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Do đó, UBND huyện T thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 131/2023/HC-ST ngày 05/9/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ điểm g khoản 1 điều 143, khoản 2 điều 165 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015;

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N về yêu cầu: hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 644683 ngày 12/12/1997 do Ủy ban nhân huyện T cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, diện tích 428m² tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

2. Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N về yêu cầu: buộc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.218,2m² tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2023, ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N kháng cáo đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện - ông Nguyễn Thành T1 thay đổi yêu cầu khởi kiện. Ông T1 không yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 644683 mà yêu cầu UBND huyện T thu hồi Giấy chứng nhận này để cấp lại đúng diện tích đã đo đạc là 1.218,2m². Ông T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Luật sư Lê Văn Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện và chấp nhận nội dung kháng cáo của ông T, bà N, sửa bản án sơ thẩm; buộc UBND huyện T thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 644683 do cấp không đúng diện tích.

- Ông Cao Ngọc S bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND huyện T đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Việc người khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện: yêu cầu UBND huyện T thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 644683 để cấp lại theo đúng diện tích đo đạc. Yêu cầu này là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét nên cấp phúc thẩm không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện - ông Nguyễn Thành T1 thay đổi yêu cầu khởi kiện. Ông T1 không yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 644683 mà yêu cầu UBND huyện T thu hồi Giấy chứng nhận này để cấp lại đúng diện tích đã đo đạc là 1.218,2m². Xét yêu cầu này là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết nên cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Luật Tố tụng Hành chính, không chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện nêu trên của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N với nội dung: đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, bà, sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Căn cứ hồ sơ địa chính lập theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, được Sở Địa chính Quảng Nam duyệt ngày 30/11/1997 thì thửa đất số 92, tờ bản đồ số 25 (số thửa mới theo dữ liệu vùng Đông), diện tích 1.218,2m² tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam gồm có hai thửa:

- Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, diện tích 428m², loại đất ở + đất vườn do ông Nguyễn Văn T kê khai, đăng ký.

- Một phần thửa đất số 80, tờ bản đồ số 04, diện tích 801,8m² thuộc thửa đất số 92 nêu trên, loại đất RTG do UBND xã B quản lý.

Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.218,2m² do chi nhánh Văn phòng Đ1 được đo gộp thửa đất số 81 và một phần thửa đất số 80, cùng tờ bản đồ số 04. Thửa đất số 80 và thửa đất số 81 được hình thành trong hồ sơ địa chính là hai thửa đất riêng biệt, loại đất khác nhau.

Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, diện tích 428m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T. Thực hiện dự án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thửa đất này được viết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CE 237492, số hiệu thửa đất số 92, tờ bản đồ số 25, diện tích 477,2m² (đất ở + đất trồng cây lâu năm).

Ngày 29/9/2004, UBND huyện T ban hành Quyết định số 640/QĐ-UB về việc thu hồi đất, giao đất để xây dựng nhà ở đã thu hồi 249,6m² đất thửa số 80,

tờ bản đồ số 04 do UBND xã quản lý và giao diện tích trên cho ông Trần Công T3 và bà Hồ Thị C. Ông T3 đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2] Ngày 12/12/1997, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, diện tích 428m² đúng với diện tích đăng ký và hồ sơ được duyệt. Gia đình ông T không khiếu nại gì đối với Giấy chứng nhận đã cấp. Đến năm 2018, sau khi yêu cầu đo đạc lại diện tích đất thực tế sử dụng đối với thửa đất nêu trên, ông T thấy diện tích thửa đất số 81 là 1.218,2m² (tăng so với diện tích được cấp) nên ông T nộp hồ sơ tại UBND xã B để lập thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận theo hiện trạng sử dụng. Như vậy, chậm nhất là năm 2018 ông T đã nhận và biết được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 644683 ngày 12/12/1997 do U cấp cho hộ ông T đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, diện tích 428m² (đất ở + đất vườn) nhưng đến ngày 12/10/2022 ông T mới nộp đơn khởi kiện tại TAND tỉnh Quảng Nam yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận này là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông T là đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu buộc UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.218,2m² đất tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy: sau khi nhận được Phiếu xác nhận kết quả đo đạc của chi nhánh Văn phòng Đ1 theo yêu cầu của ông T thì ngày 04/6/2018 ông T đã nộp hồ sơ tại UBND xã B để lập thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại văn bản số 112/UBND-ĐC ngày 27/12/2018, Ủy ban nhân dân xã B trả lời cho ông T với nội dung: “đề nghị hộ ông Nguyễn Văn T liên hệ tại chi nhánh Văn phòng Đ1 để được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 237492” nhưng đến thời điểm khởi kiện vụ án hành chính, ông T chưa nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.218,2m² tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam đến Ủy ban nhân dân huyện T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu này của ông T, bà N là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N không có cơ sở chấp nhận; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị N và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 131/2023/HC-ST ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 điều 143, khoản 2 điều 165 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N về yêu cầu: hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 644683 ngày 12/12/1997 do Ủy ban nhân huyện T cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, diện tích 428m² tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N về yêu cầu: buộc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.218,2m² tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí: ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000549 ngày 25/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

4. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Đường sự; Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên